TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HS-ST
Ngày: 15 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Sỹ Thắng
Bà Lê Thị Trang
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39 /2023/HSST ngày 12/6/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39 /2023/QĐXXST - HS ngày 10/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/HSST-QĐ ngày 24/7/2023 đối với bị cáo:

Bùi Sỹ S - sinh ngày 06/6/1996;
Nơi cư trú: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Sỹ T (đã chết) và bà Lê Thị T; có vợ là Lê Thị N và 01 con; tiền án, tiền sự: Không.
Nhân thân: Ngày 19/5/2020, bị Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "xâm hại sức khỏe người khác", nộp phạt ngày 20/5/2020.
Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/4/2023 đến ngày 07/4/2023 được thay thế bằng Biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.
Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**
- Anh Lê Xuân T - sinh năm 1989 (vắng mặt).
Địa chỉ: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
- Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định, bản thân có sẵn nguồn vốn tích cóp từ trước nên từ tháng 9 năm 2022 đến ngày 31/3/2023, Bùi Sỹ S đã sử dụng tiền cho một số người dân vay với lãi suất gấp từ 14,13 đến 15,97 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Mỗi khi có khách vay tiền, tùy vào mối quan hệ giữa S và khách vay để S đưa ra hình thức vay và mức lãi suất, nếu khách vay đồng ý, S sẽ đưa tiền cho khách vay và thu lãi. Cụ thể từ tháng 9/2022 đến nay, Bùi Sỹ S đã cho 02 khách vay tiền cụ thể như sau:

- Bùi Sỹ S cho anh Lê Xuân T, sinh năm 1989 trú tại xã T, huyện Quảng Xương vay 03 lần, cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: Ngày 15/10/2022 Bùi Sỹ S cho anh T vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay 32 ngày, với lãi suất 8.750 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương 319,4%/1 năm, gấp 15,97 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự). Khi vay, S lấy 1.000.000đ tiền phí làm hồ sơ và đưa cho anh T số tiền 19.000.000đ; sau đó anh T phải đóng cả tiền gốc và lãi cho S số tiền 800.000 đồng/1 ngày, trong thời hạn 32 ngày tính từ ngày vay. Đến hạn, anh T đã trả cho S toàn bộ 20.000.000đ tiền gốc và 5.600.000đ tiền lãi (trong đó số tiền lãi hợp pháp của khoản vay theo quy định của Bộ luật dân sự là 350.685đ), số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo quy định là 5.249.315đ. Tổng số tiền thu lời bất chính là 6.249.315đ (trong đó tiền lãi vượt quá là 5.249.315đ và 1.000.000đ tiền thu phí làm hồ sơ).

+ Lần thứ 2: Ngày 12/11/2022 Bùi Sỹ S cho anh T vay số tiền 30.000.000đ, thời hạn vay 32 ngày, với lãi suất 8.750 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương 319,4%/1 năm, gấp 15,97 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự). Khi vay, S lấy 1.300.000đ tiền phí làm hồ sơ và đưa cho anh T số tiền 28.700.000đ, sau đó anh T phải đóng cả tiền gốc và lãi cho S số tiền 1.200.000 đồng/1 ngày, trong thời hạn 32 ngày tính từ ngày vay. Đến hạn, anh T đã trả cho S toàn bộ 30.000.000đ tiền gốc và 8.400.000đ tiền lãi (trong đó số tiền lãi hợp pháp của khoản vay theo quy định của Bộ luật dân sự là 526.027đ), số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định là 7.873.973đ. Tổng số tiền thu lời bất chính là 9.173.973đ (trong đó tiền lãi vượt quá là 7.873.973đ và 1.300.000đ tiền thu phí làm hồ sơ).

+ Lần thứ 3: Ngày 17/01/2023 Bùi Sỹ S cho anh T vay số tiền 30.000.000đ, thời hạn vay 32 ngày, với lãi suất 8.750 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương 319,4%/1 năm, gấp 15,97 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự). Khi vay, S lấy 1.300.000đ tiền phí làm hồ sơ và đưa cho anh T số tiền 28.700.000đ, sau đó anh T phải đóng cả tiền gốc và lãi cho S số tiền 1.200.000 đồng/1 ngày, trong thời hạn 32 ngày tính từ ngày vay. Đến hạn, anh T đã trả cho S 08 ngày tiền lãi và gốc với tổng số tiền 9.600.000đ, anh T còn nợ S số tiền gốc là 22.500.000đ, tiền lãi là 6.300.000đ, (trong đó số tiền lãi hợp pháp của khoản vay theo quy định của Bộ luật dân sự là 526.027đ), số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định là 7.873.973đ. Tổng số tiền thu lời bất chính là 9.173.973đ (trong đó tiền lãi vượt quá là 7.873.973đ và 1.300.000đ tiền thu phí làm hồ sơ).

- Bùi Sỹ S cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1966 trú tại xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa vay 02 lần, cụ thể:

+ Lần thứ nhất: Ngày 08/9/2022 Bùi Sỹ S cho chị H vay số tiền 50.000.000đ, trong thời hạn 31 ngày, với lãi suất 7.742 đồng/1 triệu/1 ngày, (tương đương 282,6%/1 năm, gấp 14,13 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự). Khi vay, S lấy 2.000.000đ tiền phí làm hồ sơ và đưa cho chị H số tiền 48.000.000đ, sau đó chị H phải đóng cả tiền gốc và lãi cho S số tiền 2.000.000 đồng/1 ngày, trong thời hạn 31 ngày tính từ ngày vay. Đến hạn, chị H đã trả cho S toàn bộ 50.000.000đ tiền gốc và 12.000.000đ tiền lãi (trong đó số tiền lãi hợp pháp của khoản vay theo quy định của Bộ luật dân sự là 849.315đ), số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định là 11.150.685đ. Tổng số tiền thu lời bất chính là 13.150.685đ (trong đó tiền lãi vượt quá là 11.150.685đ và 2.000.000đ tiền thu phí làm hồ sơ).

+ Lần thứ hai: Ngày 20/3/2023 Bùi Sỹ S cho chị H vay số tiền 50.000.000đ, trong thời hạn 31 ngày, với lãi suất 7.742 đồng/1 triệu/1 ngày, (tương đương 282,6%/1 năm, gấp 14,13 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự). Khi vay, S lấy 2.000.000đ tiền phí làm hồ sơ và đưa cho chị H số tiền 48.000.000đ, sau đó chị H phải đóng cả tiền gốc và lãi cho S số tiền 2.000.000 đồng/1 ngày, trong thời hạn 31 ngày tính từ ngày vay. Chị H mới đóng cho S 10 ngày cả tiền gốc và lãi là 20.000.000đ, chị H còn nợ S số tiền gốc là 33.870.968đ, tiền lãi là 8.129.032đ (trong đó số tiền lãi hợp pháp của khoản vay theo quy định của Bộ luật dân sự là 849.315đ), số tiền lãi vượt quá mức lãi suất theo quy định là 11.150.685đ. Tổng số tiền thu lời bất chính là 13.150.685đ (trong đó tiền lãi vượt quá là 11.150.685đ và 2.000.000đ tiền thu phí làm hồ sơ).

Như vậy trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 3/2023, Bùi Sỹ S đã sử dụng số tiền 180.000.000đ cho anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị H vay với lãi suất từ 282,6%/1 năm đến 319,4%/1 năm, gấp từ 14,13 đến 15,97 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, với tổng số lãi là 46.400.000đ (trong đó số tiền lãi hợp pháp của các khoản vay theo quy định của Bộ luật dân sự là 3.101.370đ, số tiền lãi vượt quá mức quy định là 43.298.630đ). Trong đó xác định: Khoản vay của anh Lê Xuân T ngày 15/10/2022 và ngày 12/11/2022 là tiền vay từ nguồn tiền cho vay quay vòng của khoản vay ngày 08/9/2022 đối với chị H (chị Nguyễn Thị H đã trả cho S). Vì vậy xác định số tiền gốc Bùi Sỹ S đã sử dụng để cho các khách vay tiền là 130.000.000đ. Ngoài ra, khi cho anh T và chị H vay tiền, S còn thu thêm số tiền 7.600.000đ phí làm hồ sơ, nhưng thực tế không làm hồ sơ mà mục đích hưởng lợi cá nhân, đây là khoản thu trái pháp luật. Tổng số tiền Bùi Sỹ S thu lời bất chính là 50.898.630đ.

* Về các biện pháp tư pháp:

- *Đối với các khoản nợ gốc:* Tổng số tiền 130.000.000đ là tiền Bùi Sỹ S sử dụng cho anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị H vay là tiền sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Trong đó: Tịch thu của S số tiền 73.629.032đ chị H và anh T đã trả cho S. Tịch thu của anh T số tiền còn nợ S là 22.500.000đ. Tịch thu của chị H số tiền còn nợ S là 33.870.968đ.

- *Đối với tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS*: Tổng số tiền 2.131.507đ là tiền lãi S đã thu được của anh T và chị H tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- *Đối với số tiền thu bất hợp pháp khác:* Bùi Sỹ S đã thu tiền phí làm hồ sơ của người vay là anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị H số tiền 7.600.000đ, cần trả lại cho anh T và chị H.

- *Đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định của Nhà nước mà Bùi Sỹ S đã thu của người vay số tiền 28.869.599đ, gồm:* Anh Lê Xuân T số tiền 14.697.261đ; chị Nguyễn Thị H số tiền 14.172.338đ. Quá trình điều tra xác định anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị H đều sử dụng tiền vay vào mục đích cá nhân hợp pháp, do vậy, cần buộc S phải trả lại số tiền trên cho những người vay. Tuy nhiên anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị H đều không yêu cầu Bùi Sỹ S phải trả lại số tiền trên.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKSQX ngày 09/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố bị cáo Bùi Sỹ S về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Quảng Xương giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 36 của BLHS. Xử phạt bị cáo Bùi Sỹ S từ 15 đến 18 tháng tháng Cải tạo không giam giữ; được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ ngày 01/4/2023 đến ngày 07/4/2023) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Còn phải chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ còn lại từ 14 tháng 12 ngày đến 17 tháng 12 ngày. Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

***** Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201 BLHS: Phạt bị cáo Bùi Sỹ S từ 35.000.000đ đến 40.000.000đ.

* Về biện pháp tư pháp:

- *Đối với các khoản nợ gốc:* Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 130.000.000đ là tiền Bùi Sỹ S sử dụng cho anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị H vay. Cụ thể như sau: Tịch thu của Bùi Sỹ S số tiền 73.629.032đ chị H và anh T đã trả cho S. Tịch thu của anh Lê Xuân T số tiền còn nợ S là 22.500.000đ. Tịch thu của chị Nguyễn Thị H số tiền còn nợ S là 33.870.968đ.

- *Đối với tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS*: Tịch thu của Bùi Sỹ S để sung vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 2.131.507đ là tiền lãi S đã thu được của anh T và chị H (tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự).

- *Đối với số tiền thu bất hợp pháp khác:* Bùi Sỹ S thu tiền phí làm hồ sơ 7.600.000đ của anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị H. Anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị H đều không yêu cầu Bùi Sỹ S trả lại số tiền trên nên không xem xét.

- *Đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định của Nhà nước mà Bùi Sỹ S đã thu của người vay số tiền 28.869.599đ, gồm:* Anh Lê Xuân T 14.697.261đ; chị Nguyễn Thị H 14.172.338đ. Anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị H đều không yêu cầu Bùi Sỹ S trả lại số tiền trên nên không xem xét.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và

tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Xác định: Xuất phát từ động cơ tư lợi, trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023, Bùi Sỹ S đã sử dụng số tiền 180.000.000đ cho anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị H vay với lãi suất từ 282,6%/1 năm đến 319,4%/1 năm, gấp từ 14,13 đến 15,97 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Trong đó xác định: Khoản vay của anh Lê Xuân T ngày 15/10/2022 và ngày 12/11/2022 là tiền vay từ nguồn tiền cho vay quay vòng của khoản vay ngày 08/9/2022 đối với chị H (chị Nguyễn Thị H đã trả cho S). Vì vậy xác định số tiền gốc Bùi Sỹ S đã sử dụng để cho các khách vay tiền là 130.000.000đ. Ngoài ra, khi cho anh T và chị H vay tiền, S còn thu thêm số tiền 7.600.000đ phí làm hồ sơ, nhưng thực tế không làm hồ sơ mà mục đích hưởng lợi cá nhân. Tổng số tiền Bùi Sỹ S thu lời bất chính là 50.898.630đ.

HĐXX đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS. Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố bị cáo về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án và nhân thân của bị cáo: Là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do muốn thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo Bùi Sỹ S vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, ngoài ra còn ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội. Hành vi đó làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của bị cáo:

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét tính chất của vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo HĐXX xét thấy cho bị cáo Bùi Sỹ S được cải tạo tại địa phương cũng đủ sức giáo dục và phòng ngừa chung.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, người bị kết án bị khấu trừ một phần thu nhập 05% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo thuộc diện lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên HĐXX miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201của BLHS: Phạt bị cáo Bùi Sỹ S 35.000.000đđ.

[6] Về biện pháp tư pháp:

- *Đối với các khoản nợ gốc:* Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 130.000.000đ là tiền Bùi Sỹ S sử dụng cho anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị H vay. Cụ thể như sau: Tịch thu của Bùi Sỹ S số tiền 73.629.032đ chị H và anh T đã trả cho S. Tịch thu của anh Lê Xuân T số tiền còn nợ S là 22.500.000đ. Tịch thu của chị Nguyễn Thị H số tiền còn nợ S là 33.870.968đ.

- *Đối với tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS*: Tịch thu của Bùi Sỹ S để sung vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 2.131.507đ là tiền lãi S đã thu được của anh T và chị H (tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự).

- *Đối với số tiền thu bất hợp pháp khác:* Buộc Bùi Sỹ S trả lại số tiền thu phí làm hồ sơ 7.600.000đ S đã thu của anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị H. Cụ thể: Thu anh Lê Xuân T 3.600.000đ; thu của chị Nguyễn Thị H 4.000.000đ. Tuy nhiên anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị H đều không yêu cầu Bùi Sỹ S trả lại số tiền trên nên HĐXX không xem xét.

- *Đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định của Nhà nước mà Bùi Sỹ S đã thu của người vay số tiền 28.869.599đ, gồm:* Anh Lê Xuân T 14.697.261đ; chị Nguyễn Thị H 14.172.338đ. Anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị H đều không yêu cầu Bùi Sỹ S trả lại số tiền trên nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 36 của BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Sỹ S phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

Xử phạt bị cáo Bùi Sỹ S 15(*Mười lăm*) tháng Cải tạo không giam giữ; được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ ngày 01/4/2023 đến ngày 07/4/2023) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Còn phải chấp hành 14 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm tính chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Quảng Xương nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Bùi Sỹ S cho UBND thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo Bùi Sỹ S.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201của BLHS: Phạt bị cáo Bùi Sỹ S 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*).

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Đối với các khoản nợ gốc: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 130.000.000đ là tiền Bùi Sỹ S sử dụng cho anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị H vay. Cụ thể như sau: Tịch thu của Bùi Sỹ S số tiền 73.629.032đ chị H và anh T đã trả cho S. Tịch thu của anh Lê Xuân T số tiền còn nợ S là 22.500.000đ.Tịch thu của chị Nguyễn Thị H số tiền còn nợ S là 33.870.968đ.

Đối với tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS: Tịch thu của Bùi Sỹ S để sung vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 2.131.507đ là tiền lãi S đã thu được của anh T và chị H (tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự).

Đối với số tiền thu bất hợp pháp khác: Buộc Bùi Sỹ S trả lại số tiền thu phí làm hồ sơ 7.600.000đ S đã thu của anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị H. Cụ thể: Thu anh Lê Xuân T 3.600.000đ; thu của chị Nguyễn Thị H 4.000.000đ. Tuy nhiên anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị H đều không yêu cầu Bùi Sỹ S trả lại số tiền trên nên HĐXX không xem xét.

Đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định của Nhà nước mà Bùi Sỹ S đã thu của người vay số tiền 28.869.599đ, gồm: Anh Lê Xuân T 14.697.261đ; chị Nguyễn Thị H 14.172.338đ. Anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị H đều không yêu cầu Bùi Sỹ S trả lại số tiền trên nên HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Mục 1 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

Bị cáo Bùi Sỹ S phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H Quảng Xương;
- THADS huyện Quảng Xương;
- Công an huyện Quảng Xương;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy